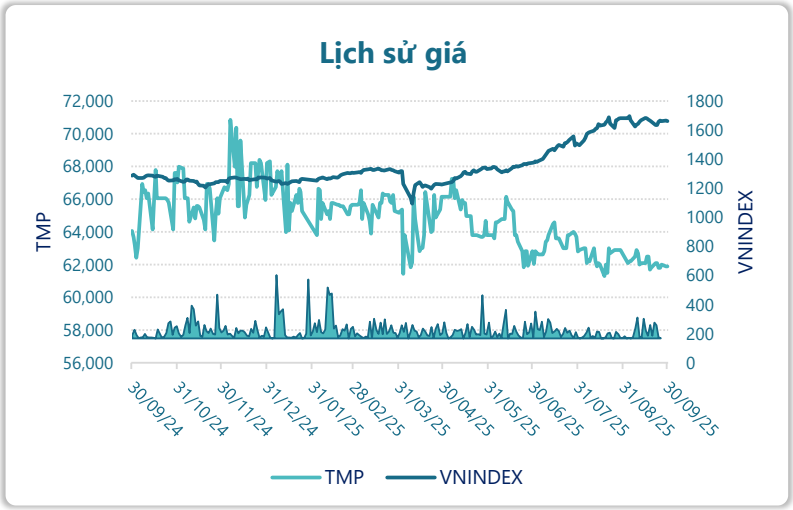
FireAnt

CTCP Thủy điện Thác Mơ (HSX: TMP)



Thông tin giao dịch	30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**61,900**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	70,851
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	61,300
SL cổ phiếu LH	70,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,390
% sở hữu nước ngoài	0.6%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	4,333
P/E	12.4
EPS	4,996

DT thuần

Q3/25

240

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 54.0| 28.8%

YoY: ▼16.0| -6.4%

LN sau thuế

Q3/25

109

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 23.6| 27.5%

YoY: ▼23.0| -17.5%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/25

57.1%

+/- YoY: ▼ 8.1%

DT thuần

9T 2025

560

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 29.0| 5.6%

LN sau thuế

9T 2025

246

tỷ VNĐ

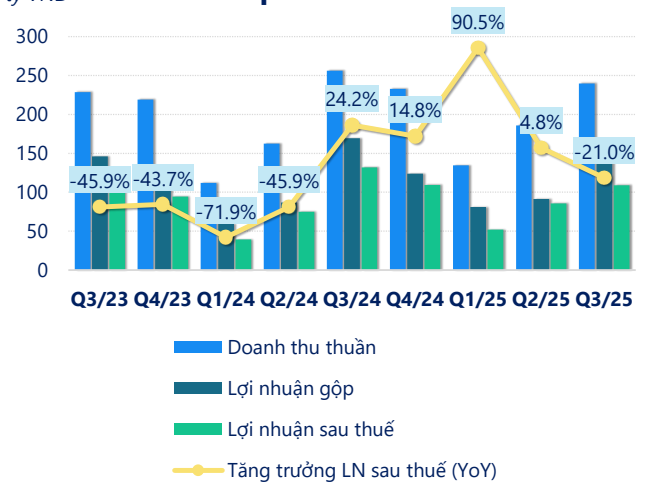
ROE

Q3/25

21.6%

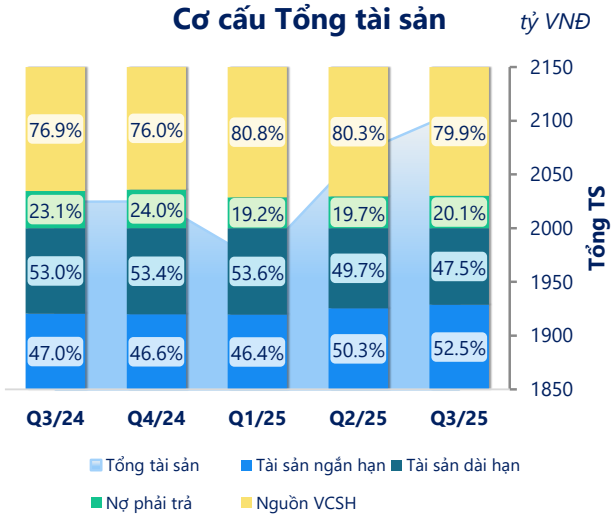
+/- YoY: ▲ 1.9%

Kết quả kinh doanh



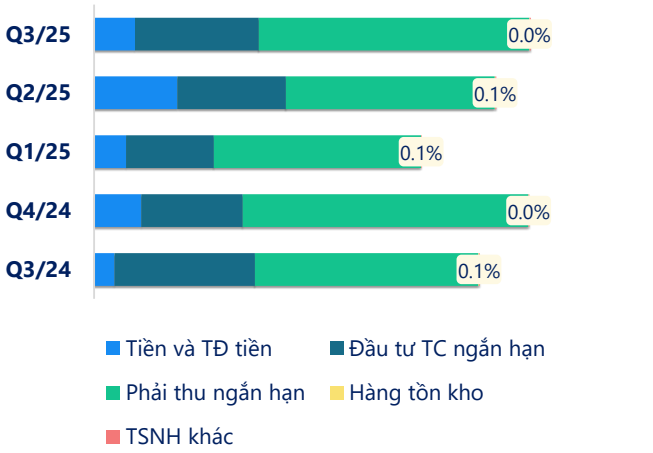
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



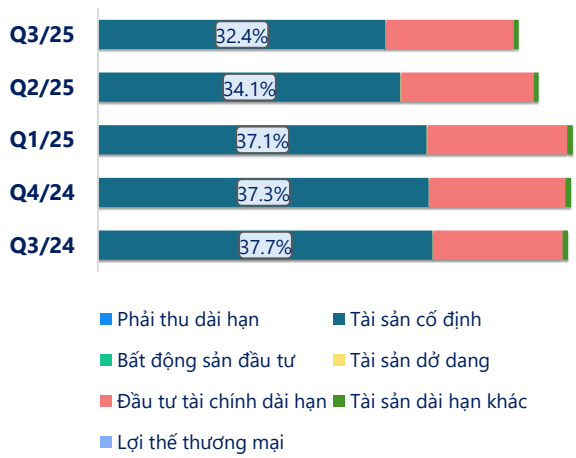
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



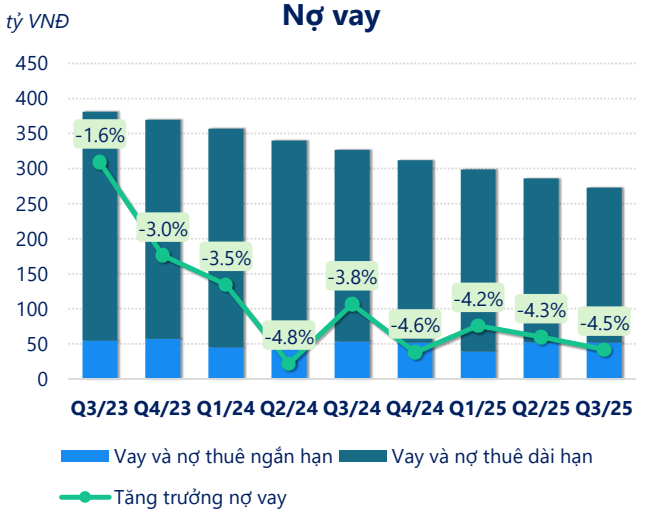
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



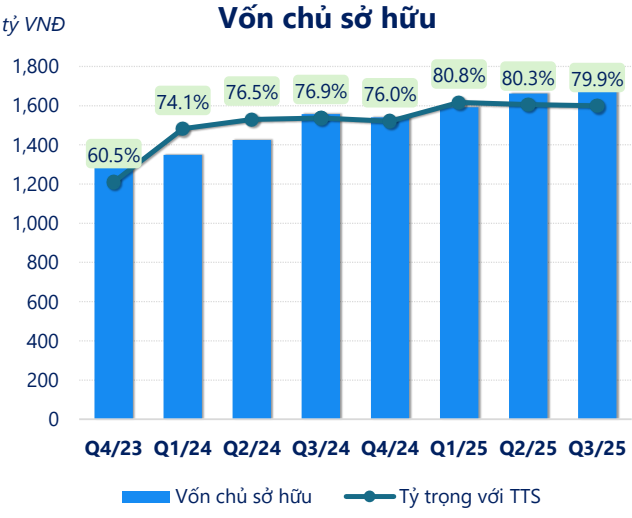
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



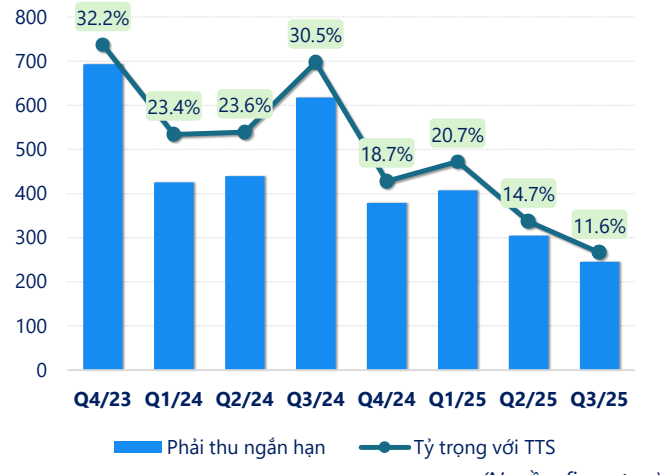
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



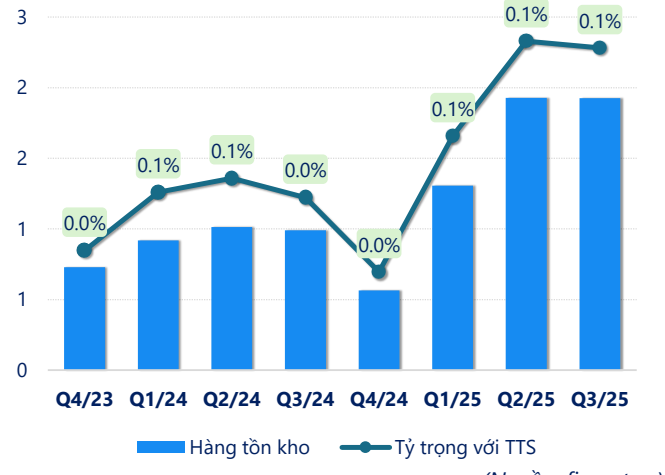
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



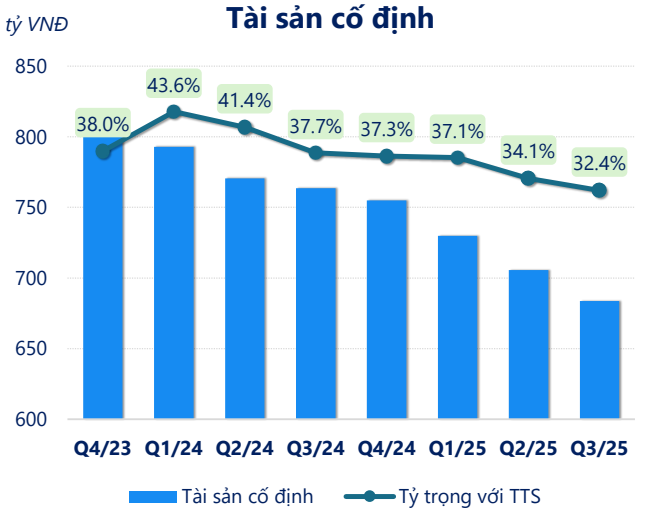
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



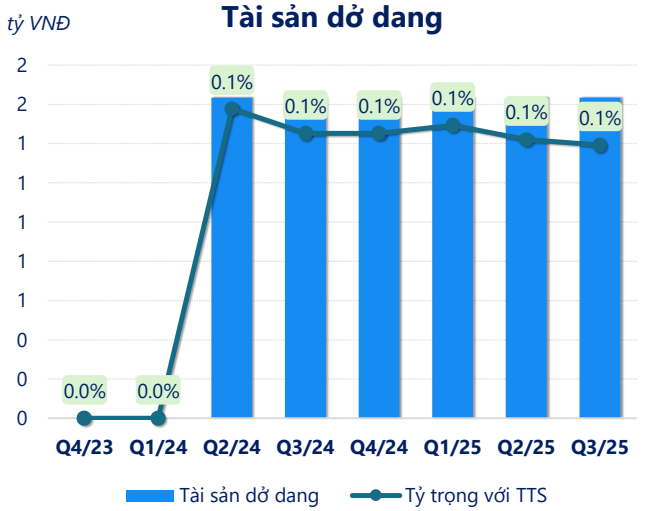
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



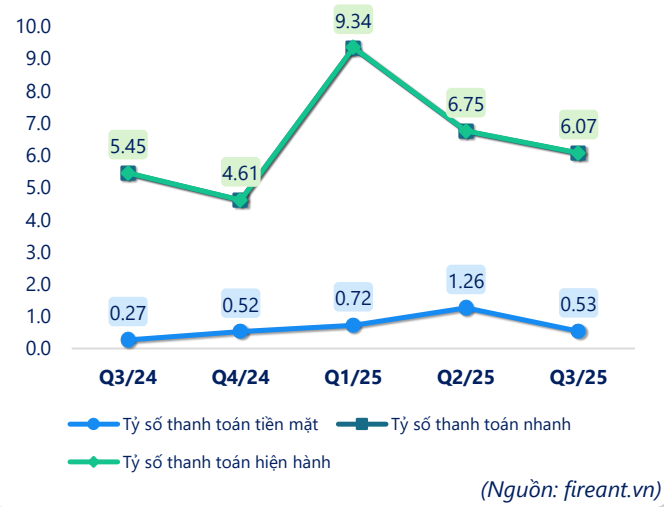
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



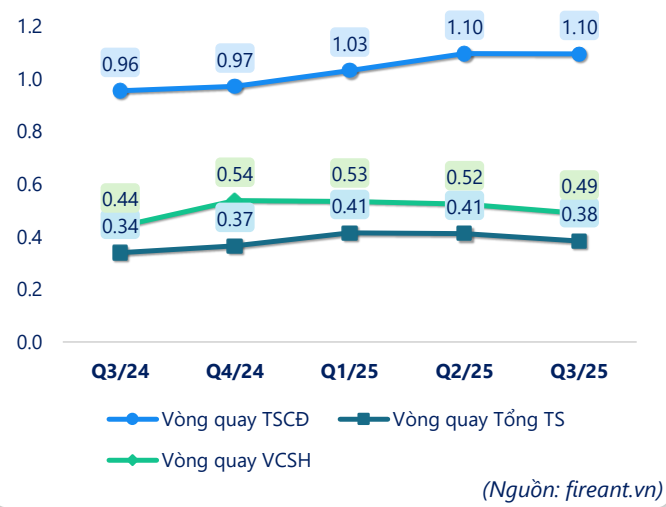
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Tổng tài sản	**2,025**	**2,025**	**1,970**	**2,069**	**2,110**
Tài sản ngắn hạn	**951**	**944**	**914**	**1,040**	**1,108**
Tiền và tương đương tiền	46.4	108	70.8	194	97.6
Đầu tư tài chính ngắn hạn	283	455	432	536	759
Phải thu ngắn hạn	618	379	407	305	246
Hàng tồn kho	0.99	0.56	1.31	1.93	1.92
Tài sản ngắn hạn khác	2.54	1.96	2.78	3.40	3.69
Tài sản dài hạn	**1,074**	**1,081**	**1,056**	**1,029**	**1,002**
Phải thu dài hạn	0.90	0.90	0.90	0.91	0.91
Tài sản cố định	764	755	730	706	684
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	1.63	1.63	1.63	1.63	1.63
Đầu tư tài chính dài hạn	296	311	311	309	304
Tài sản dài hạn khác	12.3	12.7	12.6	11.6	11.3
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**468**	**485**	**378**	**408**	**423**
Nợ ngắn hạn	**174**	**205**	**97.8**	**154**	**182**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	53.6	51.9	38.9	52.0	51.8
Phải trả người bán ngắn hạn	9.06	34.9	15.5	20.2	11.5
Nợ dài hạn	294	280	280	254	241
Vay và nợ thuê dài hạn	273	260	260	234	221
Nguồn vốn chủ sở hữu	**1,557**	**1,540**	**1,592**	**1,662**	**1,686**
Vốn chủ sở hữu	**1,557**	**1,540**	**1,592**	**1,662**	**1,686**
Vốn điều lệ	700	700	700	700	700
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)